TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8** **TỈNH QUẢNG TRỊ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 09/01/2026
V/v: "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8, TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Đức Minh.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Bá Lưu;
Ông Thiều Quang An.
Thư ký phiên tòa: Ông Trương Văn Linh - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 8, tỉnh Quảng Trị.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8, tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 01 năm 2026, tại: Phòng xử án của Tòa án nhân dân Khu vực 8, tỉnh Quảng Trị, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 98/2025/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 11 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2025, theo Quyết định hoãn phiên tòa số: 43a/2025/QĐST - HNGĐ ngày 24 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trương Văn H, sinh năm: 1980; địa chỉ nơi cư trú: Thôn T luật, xã C, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt);
- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1985; địa chỉ nơi cư trú: Thôn T luật, xã C, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 05 tháng 11 năm 2025 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Trương Văn H, trình bày:

- Ông Trương Văn H và bà Nguyễn Thị P đăng ký kết hôn tự nguyện, hợp pháp tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang (nay là xã B, tỉnh Đồng Tháp) vào ngày 20/10/2003. Trong quá trình chung sống, thời gian đầu hạnh phúc, nhưng vài năm trở đây cuộc sống vợ chồng nãy sinh nhiều mâu thuẫn, với lý do: Tính tình không hợp nhau nên vợ chồng thường xảy ra cải vã, hiện nay đã không còn sống chung với nhau. Nay, ông H nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được.
- Về tình cảm: Ông Trương Văn H yêu cầu ly hôn bà Nguyễn Thị P.

- Về con chung: Ông Trương Văn H và bà Nguyễn Thị P có 01 con chung, đã thành niên và có khả năng lao động.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Nguyễn Thị P:

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, các giấy triệu tập và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho bà P nhưng bà P không có mặt và cũng không có ý kiến gì. Tòa án đã tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa cho bà P đến tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng bà P vẫn vắng mặt.

Trong quá trình giải quyết vụ án:

Đương sự đã cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của mình, Tòa án tiến hành thu thập tài liệu, chứng cứ để xem xét quá trình sinh sống và quan hệ hôn nhân giữa ông H, bà P tại địa phương đối với trưởng thôn T, xã C, tỉnh Quảng Tri.

Tại phiên toà:

Nguyên đơn ông Trương Văn H: Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Bị đơn bà Nguyễn Thị P: Vắng mặt.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tiến hành tố tụng, giải quyết vụ án theo đúng trình tự thủ tục do pháp luật quy định. Tiến hành các thủ tục tố tụng cần thiết để nguyên đơn, bị đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 và Điều 72 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, đề nghị căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Trương Văn H đối với bà Nguyễn Thị P. Về con chung: Ông Trương Văn H và bà Nguyễn Thị P có 01 con chung đã thành niên và có khả năng lao động, về tài sản chung, nợ chung: Ông Trương Văn H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị không xét. Về án phí: Ông Trương Văn H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ông Trương Văn H có đơn yêu cầu xin ly hôn với bà Nguyễn Thị P. Vì vậy, đây là vụ án ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại thời điểm Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, bị đơn là bà Nguyễn Thị P có nơi đăng ký cư trú tại Thôn T luật, xã C, tỉnh Quảng Trị. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 8, tỉnh Quảng Trị theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn bà Nguyễn Thị P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, ông Trương Văn H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông H, bà P.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Ông Trương Văn H và bà Nguyễn Thị P đăng ký kết hôn hợp pháp tại Ủy ban nhân dân Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang (nay là xã B, tỉnh Đồng Tháp) vào ngày 20/10/2003, đây là hôn nhân hợp pháp, được tôn trọng và được pháp luật bảo vệ.

Sau khi kết hôn, ông H và bà P chung sống hạnh phúc, cùng nhau xây dựng gia đình, nhưng sau đó theo trình bày của ông H phát sinh nhiều mâu thuẫn, lý do: Tính cách không còn hợp nhau nên thường xuyên xảy ra cải vã dẫn đến việc ông H và bà P đã không còn sống chung với nhau. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập bà P để tiến hành làm việc nhưng bà P vẫn vắng mặt và cũng không có ý kiến gì, chứng tỏ bà P bỏ mặc, không có thiện chí muốn khắc phục mâu thuẫn vợ chồng.

Tòa án đã tiến hành xác minh quá trình sinh sống và quan hệ hôn nhân giữa ông H, bà P tại địa phương đối với trưởng thôn Tùng luật, xã C, tỉnh Quảng Trị nơi ông H và bà P cư trú và sinh sống, kết quả:

Sau khi kết hôn ông H và bà P sống hạnh phúc tại thôn T, xã C, tỉnh Quảng Trị được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn nên thường xuyên xảy ra cãi vã nên đã không còn sống chung với nhau, bà P thường xuyên không có mặt tại địa phương.

Xét thấy, trình bày của ông H là phù hợp với kết quả xác minh của Tòa án, thực tế mâu thuẫn trong cuộc sống hôn nhân giữa ông H và bà P đã trầm trọng, không thể tiếp tục duy trì, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, việc ông H yêu cầu được ly hôn bà P là có căn cứ, phù hợp với thực tế, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận.

[3] Về con chung, về tài sản chung:

Về con chung: Theo hồ sơ vụ án và trình bày của ông Trương Văn H thì ông H và bà Nguyễn Thị P có 01 con chung đã thành niên và có khả năng lao động, về tài sản chung: ông Trương Văn H không yêu cầu Tòa án giải quyết, bà Nguyễn Thị P vắng mặt và không có ý kiến gì. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Đây là vụ án ly hôn, vì vậy nguyên đơn ông Trương Văn H phải có nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5]. Về quyền kháng cáo: Ông Trương Văn H và bà Nguyễn Thị P có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trương Văn H. Ông Trương Văn H được ly hôn với bà Nguyễn Thị P.

2. Về con chung: Đã thành niên và có khả năng lao động nên không giải quyết.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Ông Trương Văn H phải chịu số tiền: 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là: 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)*, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số: 0001544 ngày 05 tháng 11 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị. Ông Trương Văn H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn ông Trương Văn H, bị đơn bà Nguyễn Thị P có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Nguyên đơn; Bị đơn;
- VKSND Khu vực 8;
- Phòng THADS Khu vực 8;
- UBND X. Bình Phú, T. Đồng Tháp;
- TAND T. Quảng Trị;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Đức Minh